

Phủ Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2023-2024
và toàn khóa học của sinh viên hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị Quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHXD-MT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-ĐHXD-MT ngày 29 tháng 07 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc đánh giá kết quả học tập sinh viên đại học lớp D19K1, D20KXC1, D20QXC1, D20KDC1, D20KDC5, học kỳ 2, năm học 2023 - 2024 (dành cho sinh viên khóa cuối);

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên, Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá và xếp loại rèn luyện học kỳ II năm học 2023-2024 và toàn khóa học của sinh viên hệ chính quy (lớp D19K1, D20KXC1, D20QXC1, D20KDC1, D20KDC5 và D21KDC1).

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (t/h);
- HĐT, Hiệu trưởng (b/c);
- Cố vấn học tập, lớp sinh viên;
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV

R

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thường

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D19 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kiến trúc công trình

Lớp học : D19K1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	19DQ5801011030	Phạm Ngọc	Anh	06/06/2001	66	67	59	68	75	68	Khá
2	19DQ5801011001	Lê Ngọc Thùy	Dung	30/01/2001	90	96	88	84	79	85	Tốt
3	19DQ5801011002	Huỳnh Kim Hoàng	Em	15/02/2001	67	76	69	75	79	75	Khá
4	19DQ5801011005	Phan Thị Mỹ	Huê	30/10/2001	84	88	81	87	86	85	Tốt
5	19DQ5801011006	Trần Thanh	Hùng	09/10/2000	77	85	75	82	87	82	Tốt
6	19DQ5801011007	Lê Quang	Khải	05/08/2001	67	70	66	72	76	72	Khá
7	19DQ5801011009	Ngô Quốc	Kiệt	13/04/2001	79	83	67	68	77	74	Khá
8	19DQ5801011010	Huỳnh Thị Sa	My	16/04/2001	71	69	67	75	85	76	Khá
9	19DQ5801011011	Lê Thị	Nhị	20/01/2001	86	89	80	81	83	83	Tốt
10	19DQ5801011013	Lương Công	Phin	03/09/2001	61	61	57	68	73	66	Khá
11	19DQ5801011031	Phạm Thị	Suối	19/05/2001	67	75	69	71	77	73	Khá
12	19DQ5801011018	Cao Xuân	Thanh	02/03/2001	78	94	78	82	94	87	Tốt
13	19DQ5801011017	Trần Thị Minh	Thanh	11/08/2001	65	88	79	88	85	84	Tốt
14	19DQ5801011020	Nguyễn Công	Thành	11/05/2001	76	89	72	80	80	79	Khá
15	19DQ5801011016	Huỳnh Bùi Duy	Thắng	05/06/1997	72	78	76	75	80	77	Khá
16	19DQ5801011015	Nguyễn Công	Thắng	13/08/2001	87	88	70	76	79	78	Khá
17	19DQ5801011021	Đặng Văn	Thông	22/07/2000	82	96	69	73	79	78	Khá
18	19DQ5801011023	Đỗ Trung	Tín	10/11/2001	82	100	85	91	95	92	Xuất sắc
19	19DQ5801011024	Nguyễn Lê Ngọc	Toán	12/06/2001	77	77	69	73	82	76	Khá
20	19DQ5801011032	Võ Ngọc	Trai	29/10/2001	73	78	68	72	87	77	Khá
21	19DQ5801011025	Nguyễn Trọng	Triều	20/05/2001	76	76	70	77	80	76	Khá
22	19DQ5801011026	Nguyễn Quốc	Trung	05/08/2001	72	76	71	74	76	74	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
23	19DQ5801011028	Nguyễn Minh	Tuấn	20/07/2001	74	71	66	84	78	76	Khá
24	19DQ5801011027	Huỳnh Hải	Tú	27/06/2001	77	87	77	74	78	78	Khá
25	19DQ5801011029	Huỳnh Tấn	Viễn	10/08/2001	64	84	67	82	80	77	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	4.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	6	24.00%	TB	0	0.00%
Khá	18	72.00%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024



T. phòng Công tác SV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản lý xây dựng

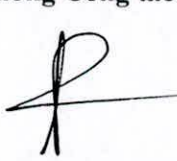
Lớp học : D20QXC1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5803021015	Trần Thị Hải	Âu	01/10/2002	79	77	75	81		78	Khá
2	20DQ5803021017	Nguyễn Tấn	Đạt	25/12/2002	62	61	65	71		66	Khá
3	20DQ5803021003	Trần Văn	Hòa	27/07/2002	78	82	87	86		85	Tốt
4	20DQ5803021005	Ngô Hà	My	03/05/2002	76	73	71	82		76	Khá
5	20DQ5803021006	Nguyễn Ngọc	Nên	18/10/2002	78	86	73	83		80	Tốt
6	20DQ5803021007	Nguyễn To	Ny	07/08/2002	54	62	64	73		66	Khá
7	20DQ5803021013	Bùi Công	Trung	25/09/2002	66	61	62	71		66	Khá
8	20DQ5803021014	Phan Xuân	Vinh	10/11/2002	65	68	72	69		69	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	2	25.00%	TB	0	0.00%
Khá	6	75.00%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 30 tháng 4 năm 2024


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Lê Đức Thường

T. phòng Công tác SV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kế toán doanh nghiệp

Lớp học : D20KDC1

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ3403012046	Đoàn Thị Kim	Ánh	17/05/2002	94	93	95	100		97	Xuất sắc
2	20DQ3403012005	Võ Quang Ngọc	Hân	01/01/2001	82	65	68	69		69	Khá
3	20DQ3403012007	Hồ Thị Mỹ	Hoa	24/07/2002	82	76	84	94		86	Tốt
4	20DQ3403011007	Trương Công Trần	Duy	13/05/1996	69	64	63	65		65	Khá
5	20DQ3403012048	Lê Thị Huỳnh	Hợp	15/08/2002	72	66	69	67		68	Khá
6	20DQ3403012011	Nguyễn Thị Hoàng	Khuyên	22/04/2002	85	81	72	69		74	Khá
7	20DQ3403011002	Phạm Hồng	Mỹ	16/04/2002	80	68	71	71		71	Khá
8	20DQ3403012014	Lê Thị Mỹ	Linh	20/10/2002	84	71	70	70		72	Khá
9	20DQ3403012019	Nguyễn Đoàn Bích	Ngọc	04/12/2002	75	68	70	65		68	Khá
10	20DQ3403012050	Nguyễn Đào Cẩm	Nhung	12/08/2002	78	77	77	67		73	Khá
11	20DQ3403012051	Võ Thị Thúy	Na	15/12/2002	79	72	72	73		73	Khá
12	20DQ3403012023	Đặng Thị Quỳnh	Như	22/06/2002	71	64	69	68		68	Khá
13	20DQ3403012024	Hà Trúc	Như	08/04/2002	75	65	68	65		67	Khá
14	20DQ3403012025	Huỳnh Tổ	Như	15/04/2001	76	63	64	58		63	TB
15	20DQ3403012026	Nguyễn Đình	Quang	23/02/2002	90	77	82	83		82	Tốt
16	20DQ3403011003	Cao Như	Quỳnh	23/01/2002	74	71	69	64		68	Khá
17	20DQ3403012027	Nguyễn Thị Thúy	Sang	20/11/2001	79	77	74	78		77	Khá
18	20DQ3403012031	Nguyễn Phương	Thảo	09/09/2002	79	73	88	94		87	Tốt
19	20DQ3403011006	Ngô Thị Diễm	Thúy	26/04/2002	73	65	69	70		69	Khá
20	20DQ3403012056	Võ Thị Cẩm	Tiên	27/07/2002	81	70	76	77		76	Khá
21	20DQ3403011009	Võ Thị Minh	Thư	20/11/2002	82	74	72	71		73	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
22	20DQ3403012039	Phùng Thị Minh	Trần	29/03/2002	89	72	80	87		82	Tốt
23	20DQ3403012029	Trần Trung	Tin	01/10/2002	75	63	62	64		64	TB
24	20DQ3403012038	Nguyễn Trần Khánh	Trâm	31/08/1999	66	63	62	65		64	TB
25	20DQ3403012042	Nguyễn Thùy Thanh	Trúc	26/02/2002	83	87	85	89		87	Tốt
26	20DQ3403011004	Trần Bích	Tuyền	30/07/2002	95	89	88	91		90	Xuất sắc
27	20DQ3403012053	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/11/2001	76	71	76	75		75	Khá
28	20DQ3403012049	Nguyễn Hiếu	Viên	16/06/2002	85	77	82	77		79	Khá
29	20DQ3403012044	Lưu Khánh	Vy	18/06/2002	69	65	66	64		65	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	6.90%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	5	17.24%	TB	3	10.34%
Khá	19	65.52%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024



T. phòng Công tác SV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kế toán doanh nghiệp

Lớp học : D20KDC5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ3403012076	Nguyễn Thị	Sen	01/01/2001	48	69	72	68		67	Khá
2	20DQ3403012069	Nguyễn Thị Kim	Chi	02/06/2002	84	69	77	75		75	Khá
3	20DQ3403012068	Trần Văn	Đại	04/06/2002	84	82	79	76		79	Khá
4	20DQ3403012066	Lê Huy	Hậu	01/01/2000	74	65	66	71		69	Khá
5	20DQ3403012009	Nguyễn Thị Xuân	Hợp	10/02/2000	90	0	69	80		62	TB
6	20DQ3403012006	Ngô Thị Khánh	Hiền	12/03/2002	79	65	76	70		72	Khá
7	20DQ3403012001	Trần Thị Mỹ	Hương	01/08/2002	74	63	75	71		71	Khá
8	20DQ3403012008	Nguyễn Phi	Hoàng	06/04/2000	68	68	66	75		70	Khá
9	20DQ3403012010	Trần Kim	Khôi	10/11/2002	88	76	76	78		78	Khá
10	20DQ3403012013	Nguyễn Tùng	Lâm	21/09/2002	82	75	81	87		82	Tốt
11	20DQ3403012070	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	23/10/2002	77	77	71	72		73	Khá
12	20DQ3403012061	Nguyễn Thị Kim	Lài	30/10/2002	83	76	82	83		81	Tốt
13	20DQ3403012012	Nguyễn Thị	Lành	03/07/2000	97	83	75	80		81	Tốt
14	20DQ3403012017	Lê Thị Linh	Nga	18/07/2000	89	89	82	77		82	Tốt
15	20DQ3403012067	Trần Lê	Linh	06/12/2002	73	65	73	70		70	Khá
16	20DQ3403012016	Phạm Xuân	Lộc	05/03/2002	70	64	61	67		65	Khá
17	20DQ3403012032	Huỳnh Thị Mỹ	Tho	09/11/2002	78	67	71	71		71	Khá
18	20DQ3403012036	Huỳnh Thị Minh	Thư	03/09/2001	73	66	67	70		69	Khá
19	20DQ3403012035	Phạm Thị Thanh	Thủy	20/07/2001	73	64	71	71		70	Khá
20	20DQ3403012028	Võ Thủy	Tiên	03/01/2002	80	68	66	74		71	Khá
21	20DQ3403012045	Lâm Thị Việt	Trình	20/06/2002	75	64	71	71		70	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
22	20DQ3403012041	Nguyễn Công	Trình	22/10/2000	87	86	88	85		86	Tốt
23	20DQ3403012040	Hồ Thị Thu	Trình	22/03/2002	79	71	71	72		72	Khá
24	20DQ3403012058	Lê Thị	Tường	02/01/2002	76	66	68	70		69	Khá
25	20DQ3403012062	Dương Bích	Vy	30/07/2002	87	72	76	77		77	Khá
26	20DQ3403012043	Võ Thị Cẩm	Vy	01/09/2002	70	71	69	75		72	Khá
27	20DQ3403012072	Trần Thị Mộng	Xuân	06/03/2002	86	74	79	85		81	Tốt

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	6	22.22%	TB	1	3.70%
Khá	20	74.07%	Yếu - Kém	0	0.00%

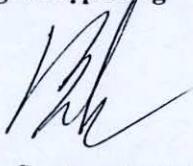
Phủ Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024



T. phòng Công tác SV


Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng


Nguyễn Thanh Bình

KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kinh tế xây dựng

Lớp học : D20KXC1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5803011060	Huỳnh Lê Thế Kiệt	16/02/2002	65	69	67	77		71	Khá
2	20DQ5803011907	Phan Đức Huy	12/04/2001		61	65	70		66	Khá
3	20DQ5803011061	Nguyễn Thị Thùy Dung	25/09/2002	71	70	69	76		72	Khá
4	20DQ5803011001	Hồ Thị Lan Anh	17/08/2002	63	63	62	71		66	Khá
5	20DQ5803011002	Võ Việt Dũng	20/09/2002	75	63	67	73		69	Khá
6	20DQ5803011031	Phạm Kim Dương	26/04/2002	88	72	77	83		80	Tốt
7	20DQ5803011036	Bùi Ngọc Hải	13/03/1995	59	62	67	77		69	Khá
8	20DQ5803011003	Nguyễn Thành Hân	05/11/2002	60	64	70	73		69	Khá
9	20DQ5803011032	Nguyễn Minh Hiếu	30/06/2002	62	62	62	72		66	Khá
10	20DQ5803011004	Nguyễn Thị Hiền	19/11/2002	74	79	72	75		75	Khá
11	20DQ5803011050	Nguyễn Thị Lệ Huyền	08/06/2002	76	78	74	76		76	Khá
12	20DQ5803011008	Trương Thị Hồng Hường	28/02/2002	65	70	62	72		68	Khá
13	20DQ5803011046	Phan Ngọc Luân	17/01/2002	69	70	71	76		73	Khá
14	20DQ5803011010	Phạm Thị Trúc Mi	14/12/2002	71	69	67	73		70	Khá
15	20DQ5803011011	Đinh Văn Minh	18/01/2000	87	79	77	84		81	Tốt
16	20DQ5803011013	Biện Sin My	10/05/2002	67	72	76	79		76	Khá
17	20DQ5803011051	Bùi Võ Phương Nga	13/03/2002	76	66	69	73		71	Khá
18	20DQ5803011033	Lương Thị Kim Ngân	01/10/2002	70	73	67	74		71	Khá
19	20DQ5803011052	Phạm Đức Nguyên	09/01/2001	73	77	70	79		75	Khá
20	20DQ5803011015	Đoàn Thị Hồng Nhi	20/02/2002	68	77	69	69		71	Khá
21	20DQ5803011014	Lê Thị Yến Nhi	12/11/2002	66	70	73	80		75	Khá
22	20DQ5803011053	Lê Thị Hồng Nhung	25/08/2002	75	75	71	82		77	Khá
23	20DQ5803011035	Võ Thị Quỳnh Như	07/07/2002	75	77	74	76		76	Khá
24	20DQ5803011045	Huỳnh Thị Mỹ Phú	20/12/2002	80	77	78	76		77	Khá
25	20DQ5803011018	Nguyễn Thị Hồng Phương	04/11/2000	89	87	87	87		87	Tốt

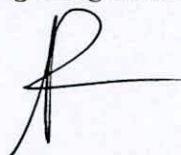
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
26	20DQ5803011042	Lê Hữu	Phước	16/12/2002	68	65	62	74		68	Khá
27	20DQ5803011019	Phạm Văn Nguyễn	Quy	21/02/1995	89	92	99	93		94	Xuất sắc
28	20DQ5803011020	Võ	Sony	13/06/2002	68	64	65	73		68	Khá
29	20DQ5803011027	Phạm Thị Cẩm	Thúy	23/09/2002	70	65	65	74		69	Khá
30	20DQ5803011041	Phạm Thị Xuân	Thùy	11/08/2002	67	63	62	74		68	Khá
31	20DQ5803011044	Nguyễn Huỳnh	Thương	06/01/2002	75	63	67	71		69	Khá
32	20DQ5803011021	Nguyễn Thị Huỳnh	Tím	25/09/2001	59	64	66	71		67	Khá
33	20DQ5803011034	Ngô Quốc	Toàn	07/05/2002	63	57	59	70		63	TB
34	20DQ5803011022	Trần Ngọc Anh	Toàn	28/12/2001	73	68	73	80		75	Khá
35	20DQ5803011023	Trần Quốc	Toàn	19/11/1999	61	63	63	73		67	Khá
36	20DQ5803011028	Nguyễn Thị Ngọc	Triệu	13/05/2002	81	77	77	77		77	Khá
37	20DQ5803011029	Vương Đăng	Triệu	30/03/2002	66	59	67	69		66	Khá
38	20DQ5803011037	Trần Quang Trung	Trương	02/05/2001	70	70	64	73		69	Khá
39	20DQ5803011048	Nguyễn Trung	Trực	22/04/2000	62	65	63	72		67	Khá
40	20DQ5803011024	Lê Anh	Tuấn	15/03/2002	71	71	67	74		71	Khá
41	20DQ5803011054	Phan Thị Minh	Tú	11/07/2002	71	69	73	78		74	Khá
42	20DQ5803011030	Trần Đức	Vinh	11/03/2002	68	69	70	72		70	Khá
43	20DQ5803011903	Phạm Tấn	Lộc	28/08/2000	61		57	70		64	TB

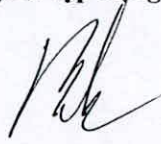
Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	2.33%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	3	6.98%	TB	2	4.65%
Khá	37	86.05%	Yếu - Kém	0	0.00%

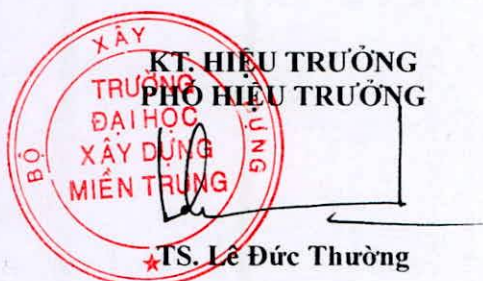
Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024

T. phòng Công tác SV

Người lập bảng


Ths. Nguyễn Nguyên Khang


Nguyễn Thanh Bình



DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 VÀ TOÀN KHÓA HỌC CỦA SINH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số 608/QĐ-ĐHXDMT ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Kết quả điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2023-2024	Xếp loại	Kết quả điểm rèn luyện toàn khóa học	Xếp loại	Lớp	Ghi chú
1	21DQ3403012901	Trần Thị Hoài	Ngọc	63	TB	61	TB	D21KDC1	

Handwritten signature

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM 2023 - 2024

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Quản lý xây dựng

Lớp học : D20QXC1

STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
1	20DQ5803021015	Trần Thị Hải	Ấu	87	78	81	Tốt	
2	20DQ5803021017	Nguyễn Tấn	Đạt	72	71	71	Khá	
3	20DQ5803021003	Trần Văn	Hòa	83	87	86	Tốt	
4	20DQ5803021005	Ngô Hà	My	84	81	82	Tốt	
5	20DQ5803021006	Nguyễn Ngọc	Nên	88	81	83	Tốt	
6	20DQ5803021007	Nguyễn To	Ny	76	71	73	Khá	
7	20DQ5803021013	Bùi Công	Trung	72	71	71	Khá	
8	20DQ5803021014	Phan Xuân	Vinh	69	69	69	Khá	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	4	50.00%	TB	0	0.00%
Khá	4	50.00%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2024


KT. Hiệu Trưởng
Phó Hiệu Trưởng

TS. Lê Đức Thường

T. Phòng Công tác SV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM 2023 - 2024

Khóa học : D19 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kiến trúc công trình

Lớp học : D19K1

STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
1	19DQ5801011030	Phạm Ngọc Anh		82	72	75	Khá	
2	19DQ5801011001	Lê Ngọc Thùy Dung		96	71	79	Khá	
3	19DQ5801011002	Huỳnh Kim Hoàng Em		90	74	79	Khá	
4	19DQ5801011005	Phan Thị Mỹ Huê		94	82	86	Tốt	
5	19DQ5801011006	Trần Thanh Hùng		96	83	87	Tốt	
6	19DQ5801011007	Lê Quang Khải		85	72	76	Khá	
7	19DQ5801011009	Ngô Quốc Kiệt		84	74	77	Khá	
8	19DQ5801011010	Huỳnh Thị Sa My		92	81	85	Tốt	
9	19DQ5801011011	Lê Thị Nhị		90	80	83	Tốt	
10	19DQ5801011013	Lương Công Phin		78	71	73	Khá	
11	19DQ5801011031	Phạm Thị Suối		82	74	77	Khá	
12	19DQ5801011018	Cao Xuân Thanh		100	91	94	Xuất sắc	
13	19DQ5801011017	Trần Thị Minh Thanh		92	81	85	Tốt	
14	19DQ5801011020	Nguyễn Công Thành		87	76	80	Tốt	
15	19DQ5801011016	Huỳnh Bùi Duy Thắng		89	75	80	Tốt	
16	19DQ5801011015	Nguyễn Công Thắng		93	72	79	Khá	
17	19DQ5801011021	Đặng Văn Thông		83	77	79	Khá	
18	19DQ5801011023	Đỗ Trung Tín		99	93	95	Xuất sắc	
19	19DQ5801011024	Nguyễn Lê Ngọc Toán		93	77	82	Tốt	
20	19DQ5801011032	Võ Ngọc Trai		94	83	87	Tốt	
21	19DQ5801011025	Nguyễn Trọng Triều		89	75	80	Tốt	
22	19DQ5801011026	Nguyễn Quốc Trung		85	72	76	Khá	
23	19DQ5801011028	Nguyễn Minh Tuấn		87	74	78	Khá	
24	19DQ5801011027	Huỳnh Hải Tú		85	74	78	Khá	
25	19DQ5801011029	Huỳnh Tấn Viên		87	76	80	Tốt	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	8.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	11	44.00%	TB	0	0.00%
Khá	12	48.00%	Yếu -Kém	0	0.00%

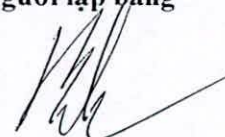
Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024

KT. Hiệu Trưởng
Phó Hiệu Trưởng

TS. Lê Đức Thường

T. Phòng Công tác SV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM 2023 - 2024

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kế toán doanh nghiệp

Lớp học : D20KDC1

STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
1	20DQ3403012046	Đoàn Thị Kim	Ánh	100	100	100	Xuất sắc	
2	20DQ3403012005	Võ Quang Ngọc	Hân	69	69	69	Khá	
3	20DQ3403012007	Hồ Thị Mỹ	Hoa	94	94	94	Xuất sắc	
4	20DQ3403011007	Trương Công Trần	Duy	65	65	65	Khá	
5	20DQ3403012048	Lê Thị Huỳnh	Hợp	67	67	67	Khá	
6	20DQ3403012011	Nguyễn Thị Hoàng	Khuyên	69	69	69	Khá	
7	20DQ3403011002	Phạm Hồng	Mỹ	71	71	71	Khá	
8	20DQ3403012014	Lê Thị Mỹ	Linh	70	70	70	Khá	
9	20DQ3403012019	Nguyễn Đoàn Bích	Ngọc	65	65	65	Khá	
10	20DQ3403012050	Nguyễn Đào Cẩm	Nhung	67	67	67	Khá	
11	20DQ3403012051	Võ Thị Thúy	Na	73	73	73	Khá	
12	20DQ3403012023	Đặng Thị Quỳnh	Như	68	68	68	Khá	
13	20DQ3403012024	Hà Trúc	Như	65	65	65	Khá	
14	20DQ3403012025	Huỳnh Tổ	Như	58	58	58	TB	
15	20DQ3403012026	Nguyễn Đình	Quang	83	83	83	Tốt	
16	20DQ3403011003	Cao Như	Quỳnh	64	64	64	TB	
17	20DQ3403012027	Nguyễn Thị Thúy	Sang	78	78	78	Khá	
18	20DQ3403012031	Nguyễn Phương	Thảo	94	94	94	Xuất sắc	
19	20DQ3403011006	Ngô Thị Diễm	Thúy	70	70	70	Khá	
20	20DQ3403012056	Võ Thị Cẩm	Tiên	77	77	77	Khá	
21	20DQ3403011009	Võ Thị Minh	Thư	71	71	71	Khá	
22	20DQ3403012039	Phùng Thị Minh	Trân	87	87	87	Tốt	
23	20DQ3403012029	Trần Trung	Tín	64	64	64	TB	
24	20DQ3403012038	Nguyễn Trần Khánh	Trâm	65	65	65	Khá	
25	20DQ3403012042	Nguyễn Thùy Thanh	Trúc	89	89	89	Tốt	
26	20DQ3403011004	Trần Bích	Tuyền	91	91	91	Xuất sắc	
27	20DQ3403012053	Trần Thị Thanh	Tuyền	75	75	75	Khá	
28	20DQ3403012049	Nguyễn Hiếu	Viên	77	77	77	Khá	
29	20DQ3403012044	Lưu Khánh	Vy	64	64	64	TB	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	4	13.79%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	3	10.34%	TB	4	13.79%
Khá	18	62.07%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024


KT. Hiệu Trưởng
Phó Hiệu Trưởng
TS. Lê Đức Thường

T. Phòng Công tác SV

Ths. Nguyễn Nguyễn Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình

Bậc đào tạo : Đại học

Lớp học : D20KDC5

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2024

Người lập bảng

T. Phòng Công tác SV

Nguyễn Thanh Bình

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

KT. Hiệu Trưởng
Phó Hiệu Trưởng

TS. Lê Đức Thường

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM 2023 - 2024

Khóa học : D20. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kinh tế xây dựng

Lớp học : D20KXC1

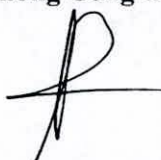
STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
1	20DQ5803011060	Huỳnh Lê Thế	Kiệt	71	76	77	Khá	
2	20DQ5803011907	Phan Đức	Huy	63	69	70	Khá	
3	20DQ5803011061	Nguyễn Thị Thùy	Dung	71	74	76	Khá	
4	20DQ5803011001	Hồ Thị Lan	Anh	66	69	71	Khá	
5	20DQ5803011002	Võ Việt	Dũng	68	72	73	Khá	
6	20DQ5803011031	Phạm Kim	Dương	78	81	83	Tốt	
7	20DQ5803011036	Bùi Ngọc	Hải	79	72	77	Khá	
8	20DQ5803011003	Nguyễn Thành	Hân	72	72	73	Khá	
9	20DQ5803011032	Nguyễn Minh	Hiếu	70	70	72	Khá	
10	20DQ5803011004	Nguyễn Thị	Hiền	70	73	75	Khá	
11	20DQ5803011050	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	73	74	76	Khá	
12	20DQ5803011008	Trương Thị Hồng	Hương	68	69	72	Khá	
13	20DQ5803011046	Phan Ngọc	Luân	73	72	76	Khá	
14	20DQ5803011010	Phạm Thị Trúc	Mi	70	72	73	Khá	
15	20DQ5803011011	Đinh Văn	Minh	77	84	84	Tốt	
16	20DQ5803011013	Biện Sin	My	82	72	79	Khá	
17	20DQ5803011051	Bùi Võ Phương	Nga	68	72	73	Khá	
18	20DQ5803011033	Lương Thị Kim	Ngân	70	72	74	Khá	
19	20DQ5803011052	Phạm Đức	Nguyên	78	77	79	Khá	
20	20DQ5803011015	Đoàn Thị Hồng	Nhi	68	69	69	Khá	
21	20DQ5803011014	Lê Thị Yến	Nhi	76	77	80	Tốt	
22	20DQ5803011053	Lê Thị Hồng	Nhung	78	78	82	Tốt	
23	20DQ5803011035	Võ Thị Quỳnh	Như	69	76	76	Khá	
24	20DQ5803011045	Huỳnh Thị Mỹ	Phú	72	74	76	Khá	
25	20DQ5803011018	Nguyễn Thị Hồng	Phương	86	84	87	Tốt	
26	20DQ5803011042	Lê Hữu	Phước	73	70	74	Khá	
27	20DQ5803011019	Phạm Văn Nguyễn	Quy	91	88	93	Xuất sắc	
28	20DQ5803011020	Võ	Sony	68	71	73	Khá	
29	20DQ5803011027	Phạm Thị Cẩm	Thúy	70	72	74	Khá	

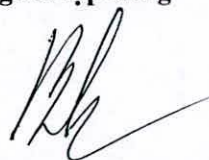
STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
30	20DQ5803011041	Phạm Thị Xuân	Thùy	70	72	74	Khá	
31	20DQ5803011044	Nguyễn Huỳnh	Thương	68	69	71	Khá	
32	20DQ5803011021	Nguyễn Thị Huỳnh	Tím	70	68	71	Khá	
33	20DQ5803011034	Ngô Quốc	Toàn	68	67	70	Khá	
34	20DQ5803011022	Trần Ngọc Anh	Toàn	74	79	80	Tốt	
35	20DQ5803011023	Trần Quốc	Toàn	70	70	73	Khá	
36	20DQ5803011028	Nguyễn Thị Ngọc	Triều	75	76	77	Khá	
37	20DQ5803011029	Vương Đăng	Triệu	68	66	69	Khá	
38	20DQ5803011037	Trần Quang Trung	Trường	70	72	73	Khá	
39	20DQ5803011048	Nguyễn Trung	Trúc	68	70	72	Khá	
40	20DQ5803011024	Lê Anh	Tuấn	70	72	74	Khá	
41	20DQ5803011054	Phan Thị Minh	Tú	77	74	78	Khá	
42	20DQ5803011030	Trần Đức	Vinh	68	70	72	Khá	
43	20DQ5803011903	Phạm Tấn	Lộc	65	69	70	Khá	

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	1	2.33%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	6	13.95%	TB	0	0.00%
Khá	36	83.72%	Yếu - Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2024



T. Phòng Công tác SV

 Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

 Nguyễn Thanh Bình